TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS-ST
Ngày: 17-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2025/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Mạnh T, sinh ngày 13-7-1989 tại Nam Định; căn cước công dân số 036089012197; nơi đăng ký thường trú: Số nhà D đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện thuê nhà ở tại địa chỉ: Số nhà C đường G, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T1 và bà Trần Hải O; vợ: Vũ Kiều Y; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-12-2024, đến ngày 19-12-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Đức S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Vũ Thế T2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà A đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Mạnh T mở cửa hàng kinh doanh trò chơi Internet Net 79 tại 320 đường G, phường M, thành phố N, do muốn kiếm thêm thu nhập nên đã nảy sinh ý định cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 182,5%/01 năm gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể T đã cho 02 người vay như sau:

- Trường hợp thứ nhất: Anh Mai Đức S, sinh năm 1991, trú tại: Số A đường N, phường N, thành phố N là khách thường xuyên chơi điện tử tại quán của T. Ngày 17-8-2023, do có nhu cầu cần tiền giải quyết việc cá nhân, anh S đặt vấn đề vay T số tiền 15.000.000 đồng, cả 2 thoả thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm), định kỳ 30 ngày anh S trả tiền lãi cho T 1 lần, trả lãi trước vào đầu kỳ. T đưa anh S một tờ mẫu "GIẤY BIÊN NHẬN MƯỢN TIỀN VÀ CAM KẾT TRẢ TIỀN" để anh S viết thông tin vay số tiền 15.000.000 đồng, không ghi lãi suất. T lấy trước tiền lãi 30 ngày đầu tiên là 2.250.000 đồng rồi đưa anh S 12.750.000 đồng tiền mặt. Sau đó, anh S mua của T 01 chiếc điện thoại Samsung A51 đã cũ với giá 2.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Đến ngày 16-9-2023 là ngày trả lãi của kỳ tiếp theo, do không có tiền trả lãi nên anh S vay thêm 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, T lấy trước tiền lãi của 30 ngày đầu là 750.000 đồng, tiền lãi 30 ngày tiếp theo của khoản vay 15.000.000 đồng là 2.250.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền mua điện thoại anh S còn nợ là tròn 5.000.000 đồng, nên T không đưa tiền cho anh S đối với khoản vay này. Cả 2 thoả thuận gộp hai khoản vay trên thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, T đưa anh S một tờ giấy biên nhận mượn tiền và cam kết trả tiền để anh S viết thông tin vay số tiền 20.000.000 đồng, không ghi lãi suất rồi cả 2 huỷ tờ giấy biên nhận mượn tiền cũ đi. Từ ngày 16-9-2023 đến 12-2-2024 là 150 ngày, định kỳ 30 ngày anh S đều trả đủ tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng trên với tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Ngày 03-2-2024, gần đến ngày trả lãi kỳ tiếp theo, anh S nói với T đang gặp khó khăn về kinh tế nên đặt vấn đề xin T từ kỳ tiếp theo T sẽ không tính tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng trên nữa và hàng tháng anh S sẽ trả dần tiền nợ gốc, T đồng ý. Sau đó, hàng tháng anh S không trả thêm tiền lãi cho T mà chỉ trả dần tiền nợ gốc. Đến thời điểm hiện tại, anh S còn nợ T 15.000.000 đồng tiền nợ gốc và không nợ khoản tiền lãi nào khác. Tổng số tiền lãi anh S đã trả cho T đối với các khoản vay trên là 17.250.000 đồng. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là (20% x 15.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày) + (20% x 20.000.000 đồng / 365 ngày x 150 ngày) = 1.890.411 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với hai khoản vay của anh S là 2.250.000 đồng + 15.000.000 đường – 1.890.411 đồng = 15.359.589 đồng.

- Trường hợp thứ 2: Qua mối quan hệ xã hội, T quen biết anh Vũ Thế T2, sinh năm 1993, chỗ ở: Số A đường N, phường N, thành phố N. Ngày 25-01-2024, anh T2 đến nhà T tại số C đường G phường M, thành phố N đặt vấn đề vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 182,5%/năm), định kỳ 30 ngày anh T2 trả tiền lãi một lần. T đưa cho anh T2 một mẫu "GIẤY BIÊN NHẬN MƯỢN TIỀN VÀ CAM KẾT TRẢ

TIỀN" để anh T2 tự điền thông tin cá nhân, số tiền vay 20.000.000 đồng, không ghi lãi suất, ghi ngày vay 25-01-2024, ký xác nhận rồi đưa cho T. T lấy trước tiền lãi của 30 ngày đầu tiên là 03 triệu đồng rồi sử dụng tài khoản ngân hàng M của T số 1118626899999 mang tên TRAN MANH TUNG chuyển đến tài khoản ngân hàng M của anh T2 số 1301212301993 số tiền 17.000.000 đồng. Sau đó, định kỳ 30 ngày anh T2 đều trả đủ tiền lãi cho T vào đầu mỗi kỳ. Tổng số tiền lãi anh T2 đã trả T đối với khoản vay trên là 33.000.000 đồng, là tiền lãi của 330 ngày từ ngày 25-01-2024 đến ngày 20-12-2024. Số tiền nợ gốc của khoản vay trên anh T2 vẫn chưa trả cho T. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 20.000.000 đồng/365 ngày x 330 ngày = 3.616.438 đồng. Số tiền đã thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 33.000.000 đồng – 3.616.438 đồng = 29.383.562 đồng.

Ngày 18-4-2024, anh T2 đến nhà T đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000 đồng, cả hai thoả thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, định kỳ 30 ngày anh T2 trả tiền lãi một lần. T yêu cầu anh T2 để lại 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Vũ Thế T3 và tự điền thông tin vào "HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE MÁY CŨ ĐÃ QUA SỬ DỤNG" do T đưa ra. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 4.500.000 đồng rồi sử dụng tài khoản của mình chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 25.500.000 đồng. Ngày 22-04-2024, anh T2 đã chuyển khoản trả 30 triệu đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 30.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày = 493.151 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 4.006.849 đồng.

Do anh T2 nói sau này còn nhiều lần cần tiền gấp sẽ vay, nên giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Vũ Thế T2 và "HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE MÁY CŨ ĐÃ QUA SỬ DỤNG" do anh T2 viết T vẫn giữ lại để các lần anh T2 vay tiếp theo không cần viết lại.

Ngày 13-5-2024, anh T2 gọi điện thoại đặt vấn đề vay 30.000.000 đồng, cả hai thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 4.500.000 đồng rồi sử dụng tài khoản trên của mình chuyển đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 25.500.000 đồng. Ngày 20-5-2024, anh T2 đã chuyển khoản trả T 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên đã kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 30.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày = 493.151 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 4.006.849 đồng.

Ngày 17-6-2024, anh T2 gọi điện thoại đặt vấn đề vay 30.000.000 đồng, cả hai thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 4.500.000 đồng rồi sử dụng tài khoản trên của mình chuyển đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 25.500.000 đồng. Ngày 27-6-2024, anh T2 đã chuyển khoản trả T 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên đã kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 30.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày = 493.151 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 4.006.849 đồng.

Ngày 01-7-2024, anh T2 gọi điện thoại đặt vấn đề vay 30.000.000 đồng, cả hai thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 4.500.000 đồng rồi sử dụng tài khoản trên của T chuyển đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 25.500.000 đồng. Ngày 23-7-2024, anh T2 đã chuyển khoản trả T 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên đã kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 30.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày = 493.151 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 4.006.849 đồng.

Ngày 08-8-2024, anh T2 gọi điện thoại cho T đặt vấn đề vay 40.000.000 đồng, cả 2 thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 6.000.000 đồng rồi sử dụng tài khoản của mình trên chuyển đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 34.000.000 đồng. Ngày 05-9-2024, anh T2 đã chuyển khoản trả T 40.000.000 đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 40.000.000 đồng / 365 ngày x 30 ngày = 657.534 đồng**.** Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 5.342.466 đồng.

Ngày 12-9-2024, anh Vũ Thế T2 gọi điện thoại cho T đặt vấn đề vay 40.000.000 đồng, cả hai thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày. Tùng giữ lại tiền lãi của 30 ngày đầu là 6.000.000 đồng rồi sử dụng tài khoản của mình trên chuyển đến tài khoản ngân hàng của anh T2 số tiền 34.000.000 đồng. Ngày 02-10-2024, anh Vũ Thế T2 đã chuyển khoản trả T 40 triệu đồng tiền nợ gốc, khoản vay trên kết thúc. Theo luật định số tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là 20% x 40.000.000đ/365 ngày x 30 ngày = 657.534 đồng. Số tiền thu lợi bất chính T đã thu đối với khoản vay trên là 5.342.466 đồng.

Đối với các khoản vay ngày 18-4-2024, ngày 13-5-2024, ngày 17-6-2024, ngày 01-7-2024, ngày 08-8-2024, ngày 12-9-2024, Trần Mạnh T và anh Vũ Thế T2 thoả thuận khi anh T2 trả đủ tiền nợ gốc cho T thì số ngày trả tiền lãi vẫn tính đủ của 1 kỳ là 30 ngày.

Tổng số tiền gốc Trần Mạnh T cho anh Vũ Thế T2 vay là 220.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu của anh T2 là 56.095.890 đồng, số tiền nợ gốc anh T2 còn nợ là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Trần Mạnh T đã thu từ anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 là 80.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính T đã thu của anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 là 71.455.479 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Mạnh T đã đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Trần Mạnh T tự nguyện giao nộp 01 hợp đồng mua bán xe máy cũ đã qua sử dụng, 02 giấy biên nhận mượn tiền và cam kết trả tiền của anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S đã viết khi vay tiền của T và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Vũ Thế T2. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Vũ Thế T2 01 giấy phép lái xe hạng A1.

Đối với số tiền gốc 240.000.000 đồng (trong đó 205.000.000 đồng T đã thu được của anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S; anh Mai Đức S còn nợ 15.000.000 đồng, anh Vũ Thế T2 còn nợ 20.000.000 đồng) và số tiền lãi theo quy định là 8.794.521 đồng phải thu hồi để sung Ngân sách nhà Nước, hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Đối với số tiền thu lợi bất hợp pháp: Trần Mạnh T phải trả lại cho người vay là anh Mai Đức S số tiền 15.359.589 và anh Vũ Thế T2 số tiền 56.095.890 đồng, hiện T chưa trả lại cho người vay.

Đối với số tiền nợ gốc của anh Vũ Thế T2 là 20.000.000 đồng, anh Mai Đức S là 15.000.000 đồng là phương tiện phạm tội của bị cáo Trần Mạnh T đều chưa giao nộp cho cơ quan điều tra.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKS-TPNĐ ngày 04-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Trần Mạnh Tùng tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Mạnh T về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Mạnh T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Mạnh T từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý số tiền liên quan đến tội phạm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Truy thu của bị cáo 205.000.000 đồng tiền gốc cho vay và 8.794.521 đồng tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm của tổng số tiền vay; truy thu của anh Mai Đức S 15.000.000 đồng; truy thu của anh Vũ Thế T2 20.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo trả lại cho anh Mai Đức S 15.354.589 đồng, trả lại anh Vũ Thế T2 56.095.890 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] *Về tội danh:*

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; đơn đầu thú; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản giao nhận đồ tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 8-2023 đến tháng 12-2024, tại thành phố N, Trần Mạnh T đã có hành vi cho anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 vay tổng số tiền là 240.000.000 đồng, với mức lãi suất là 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 20%) để thu lợi bất chính tổng số tiền 71.455.479 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Mặc dù biết hành vi của mình là phạm tội nhưng vì mục đích kiếm lời nên bị cáo vẫn thực hiện. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Mạnh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung tăng nặng:*

Hành vi của bị cáo không cấu thành các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo*:

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Mạnh T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về hình phạt:*

5.1. *Về hình phạt chính:*

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, vì vậy cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và không ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Về mức hình phạt: Cần ấn định mức hình phạt như đề xuất của Kiểm sát viên là phù hợp.

5.2. *Về hình phạt bổ sung:*

Để tăng cường tính răn đe và phòng ngừa chung cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xét bị cáo không có công việc ổn định nên phạt bị cáo số tiền ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6]. *Về khấu trừ thu nhập:*

Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Mạnh T trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7] *Biện pháp tư pháp và xử lý tiền liên quan đến tội phạm:*

7.1. Số tiền 240.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo cho anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S vay. Bị cáo đã thu lại được từ anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S tổng số tiền là 205.000.000 đồng; anh Mai Đức S còn nợ bị cáo 15.000.000 đồng, anh Vũ Thế T2 còn nợ bị cáo 20.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo, anh Vũ Thế T2, anh Mai Đức S chưa nộp lại. Xét số tiền 240.000.000 đồng là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên truy thu để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo 205.000.000 đồng, truy thu của anh Mai Đức S 15.000.000 đồng, truy thu của anh Vũ Thế T2 20.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. (Số tiền gốc 15.000.000 đồng anh Mai Đức S còn nợ bị cáo và số tiền 20.000.000 đồng anh Vũ Thế T2 còn nợ bị cáo: Anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 sẽ không phải trả lại cho bị cáo).

7.2. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm của tổng số tiền vay tương đương là 8.794.521 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm bị cáo đã thu của anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S, bị cáo chưa nộp lại vì vậy truy thu của bị cáo số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Trần Mạnh T tại mục 7.1 và 7.2 là 205.000.000 đồng + 8.794.521 đồng = 213.795.000 đồng (đã làm tròn số)

7.3. Đối với khoản tiền vượt quá lãi suất 20%/năm là tiền bị cáo Trần Mạnh T thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Thu lợi bất chính của anh Mai Đức S 15.359.589 đồng; thu lợi bất chính của anh Vũ Thế T2 56.095.890 đồng. Anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 khai vay tiền của T không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Vì vậy cần tuyên buộc bị cáo Trần Mạnh T phải trả lại cho anh Mai Đức S 15.360.000 đồng (đã làm tròn số), trả lại cho anh Vũ Thế T2 56.096.000 đồng (đã làm tròn số).

Giữ nguyên Lệnh phong tỏa tài khoản số 979/LPT-ĐCSHS ngày 10-12-2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố N để đảm bảo thi hành án.

[8]. *Nghĩa vụ chậm trả tiền:*

Nếu bị cáo Trần Mạnh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

[9]. *Án phí hình sự sơ thẩm:*

Bị cáo Trần Mạnh T bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị cáo có nghĩa vụ trả anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S tổng số tiền là: 15.360.000 đồng + 56.096.000 đồng = 71.456.000 đồng nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 71.456.000 đồng x 5% = 3.573.000 (ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-12-2024 đến ngày 19-12-2024 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi cư trú của bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Mạnh T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Trường hợp bị cáo Trần Mạnh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Mạnh T trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Mạnh T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp và xử lý tiền liên quan đến tội phạm: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Truy thu của bị cáo Trần Mạnh T tổng số tiền 213.795.000 đồng (hai trăm mười ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh Mai Đức S 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, truy thu của anh Vũ Thế T2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Mạnh T phải trả lại cho anh Mai Đức S 15.360.000 (mười lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng (đã làm tròn số), trả lại cho anh Vũ Thế T2 56.096.000 (năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn) đồng (đã làm tròn số).

Giữ nguyên Lệnh phong tỏa tài khoản số 979/LPT-ĐCSHS ngày 10-12-2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố N để đảm bảo thi hành án.

5. Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Hình sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh Mai Đức S và anh Vũ Thế T2 có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Trần Mạnh T chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Mạnh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.573.000 (ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Bị cáo Trần Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Vũ Thế T2 và anh Mai Đức S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Bị cáo và anh Vũ Thế T2, anh Mai Đức S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. NĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. NĐ;
- Công an TP. NĐ;
- UBND phường Trường Thi, TP. NĐ;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh